TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

- *Ng đơn:* Bà Huỳnh Thị B, Sinh năm 1970 (có mặt)
  Địa chỉ: 37 đường T, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.
- *Bị đơn:* Ông Lâm Thành T, Sinh năm 1965 (vắng mặt)
  Địa chỉ: 37 đường T, phường K, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa Ng đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Lâm Thành T tự tìm hiểu được khoảng 5 năm thì tổ chức cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 05/5/1993.

Sau khi cưới chúng tôi sống với cha mẹ tôi được khoản 4 năm thì chuyển ra sống riêng. Vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ sau khi sinh bé thứ hai được khoảng 2 tuổi. Ng nhân là do tôi sinh con gái, anh T không có trách Nệm T chính trong gia đình, ngoài ra khi nhậu nhẹt vào có đánh đập tôi. Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lâm Thành T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là: Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 và Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009.

Ly hôn, đối với các con chung là Lâm Thảo Ng và Lâm Thảo N đã trưởng thành nên tôi không đề cập. Đối với con chung Lâm Thảo Nh tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh và theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nh mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Tuy Nên, tại phiên hòa giải anh T chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng vì điều kiện thu nhập của anh khó khăn thì tôi cũng đồng ý với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/ 1 tháng mà anh T đưa ra.

- Về quan hệ T sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

***** Bị đơn ông Lâm Thành T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T có tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập hợp lệ ông T và ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy Nên, tại Đơn trình bày, các Biên bản hòa giải bị đơn ông Lâm Thành T có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Huỳnh Thị B tự tìm hiểu được khoảng 5 năm thì tổ chức cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 05/5/1993.

Sau khi cưới chúng tôi sống với cha mẹ vợ được khoản 4 năm thì chuyển ra sống riêng. Vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2018. Ng nhân là do từ ngày vợ tôi đi làm thì cô ấy có Nều thay đổi nên yêu cầu ly hôn. Tôi thừa nhận là tôi chưa có gánh vác trách Nệm kinh tế gia đình cùng với cô B vì tôi làm thợ nề thu nhập bấp bênh, ngoài ra mỗi lần nhậu say do cô B nói chuyện khó nghe nên tôi cũng có đánh đập cô B.

Vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên vẫn có thể về sống lại với nhau để cùng nuôi dạy con cái.

Nay cô Huỳnh Thị B yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn tình cảm với cô B.

- Về quan hệ con chung:

Vợ chồng tôi có 03 con chung là: Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 và Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009.

Nếu ly hôn, đối với các con chung là Lâm Thảo Ng và Lâm Thảo N đã trưởng thành nên tôi không đề cập. Đối với con chung Lâm Thảo Nh tôi không đồng ý giao cháu Nh cho cô B nuôi dưỡng mà tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh và tôi không yêu cầu cô B phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh.

Giả sử trong trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung là cháu Nh cho cô B nuôi dưỡng thì tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nh là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ T sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Lâm Thành T đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập để tham gia phiên tòa do vậy căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với ông Lâm Thành T:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Lâm Thành T.

Về quan hệ con chung: Đối với các con chung là Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 đã trưởng thành nên không đề cập.

Xử giao con chung là cháu Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009 cho bà Huỳnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà B về việc buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Về quan hệ T sản chung: Bà B ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà B ông T xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với ông Lâm Thành T và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà B là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Thành T.

Về nội dung:

[3] Bà Huỳnh Thị B và ông Lâm Thành T tự tìm hiểu được khoảng 5 năm thì tổ chức cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 05/5/1993 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà B ông T sống với cha mẹ bà B được khoản 4 năm thì chuyển ra sống riêng. Theo bà B vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ sau khi sinh bé thứ hai được khoảng 2 tuổi. Ng nhân là do bà sinh con gái, ông T lại không có trách Nệm T chính trong gia đình, ngoài ra khi nhậu nhẹt vào ông T có đánh đập bà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B xác định bà không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Thành T.

Theo lời trình bày của ông T có trong hồ sơ vụ án thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2018. Ng nhân là do từ ngày bà B đi làm bà đã có Nều thay đổi nên yêu cầu ly hôn. Ông T cũng thừa nhận là ông chưa gánh vác trách Nệm kinh tế gia đình cùng với bà B vì ông làm thợ nề thu nhập bấp bênh, ngoài ra mỗi lần nhậu say do bà B nói chuyện khó nghe nên ông cũng có đánh đập bà B.

Tại phiên tòa ông T không có mặt, tuy Nên quá trình Tòa án hòa giải ông T xác định vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vẫn có thể về sống lại với nhau để cùng nuôi dạy con cái. Bà B yêu cầu ly hôn thì ông T cho rằng mình vẫn còn tình cảm với bà B nên không đồng ý ly hôn.

[5] Trong qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T có tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy Nên, quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử ông T đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt ông Lâm Thành T.

[6] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà B và ông T không có đời sống hôn nhân thực sự, thực tế hiện nay hai người chung sống cùng trong một nhà nhưng đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nhau, tình cảm vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải, chính ông T cũng thừa nhận mình chưa làm tròn trách Nệm đối với vợ con, chưa chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình cùng bà B, ông T cũng thừa nhận thỉnh thoảng khi nóng giận cũng có đánh đập bà B; quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cũng cho thấy vợ chồng bà B ông T có mâu thuẫn. Ông T mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung tuy Nên ông lại không đưa ra được phương án tối ưu để khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; tại phiên tòa bà B xác nhận bà cũng không còn tình cảm với ông T. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông Lâm Thành T là hợp lý.

[7] Về con chung: Bà B và ông T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 và Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009.

Ly hôn, đối với các con chung là Lâm Thảo Ng và Lâm Thảo N đã trưởng thành nên bà B ông T không đề cập, HĐXX không xem xét.

Đối với con chung Lâm Thảo Nh bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh.

Xét nguyện vọng của B thì thấy: hiện nay cháu Nh còn nhỏ, cháu Nh lại là con gái đang sống ổn định cùng với mẹ là bà B. Bà B có công việc ổn định và có thu nhập nên đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của cháu Nh, cũng như cháu Nh rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ. Ngoài ra, cháu Nh cũng có ý kiến sống cùng mẹ. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu Nh cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện bà B yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nh mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Tuy Nên, tại phiên hòa giải ông T chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng vì điều kiện thu nhập của ông khó khăn và bà B cũng đồng ý với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/ 1 tháng mà ông T đưa ra. Tại phiên tòa hôm nay, ông T không có mặt và bà B vẫn đề nghị HĐXX xem xét buộc ông T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nh là 1.000.000đ/ tháng. Xét đề nghị của bà B cũng phù hợp với ý chí tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nh 1.000.000đ/ tháng của ông T tại phiên hòa giải trước đây, mức cấp dưỡng này cũng phù hợp với mức thu nhập của ông T nên HĐXX thấy cần buộc ông T phải cấp

dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lâm Thảo Nh 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

[9] Về T sản chung: Bà B ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về nợ chung: Bà B ông T xác nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí HNGĐ sơ thẩm bà B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà B đã nộp; Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Lâm Thành T phải chịu.

[12] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với ông Lâm Thành T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Lâm Thành T.

Về con chung: Đối với các con chung là Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 đã trưởng thành nên không đề cập.

Xử giao con chung là cháu Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà B về việc buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Về quan hệ T sản chung: Bà B ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà B phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông T phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, khoản 2 điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với ông Lâm Thành T về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Lâm Thành T**.**

II/ Về quan hệ con chung:

- Đối với các con chung là: Lâm Thảo N, sinh ngày 20/12/1993; Lâm Thảo Ng, sinh ngày 01/02/1996 đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Giao con chung là Lâm Thảo Nh, sinh ngày 25/9/2009 cho bà Huỳnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lâm Thành T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lâm Thảo Nh là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ T sản chung: Bà B ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Thị B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà B đã nộp tại biên lai thu số 0001957 ngày 20/02/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn. Bà B đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Lâm Thành T phải chịu.

VI/ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

VII/ Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

VIII/ Bà Huỳnh Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Lâm Thành T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường T, q.Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số 33 cấp ngày 05/5/1993)

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga